

Số: 10/BC-PGD&ĐT

Đàm Hà, ngày 15 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số học kỳ 1 năm học 2024-2025

Thực hiện Công văn số 2976/DGDĐT-GDPT ngày 17/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025 và Kế hoạch số 842/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024 về việc thực hiện Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2024.

Phòng Giáo dục và Đào tạo Đàm Hà báo cáo sơ kết nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số học kỳ 1 năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ HỌC KÌ 1, NĂM HỌC 2024-2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động chuyển đổi số.

a) Kết quả đạt được:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu, ban hành Kế hoạch số 46/KH-PGD&ĐT ngày 17/4/2024 về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2024;

- Ban hành công văn số 621/PGD&ĐT ngày 23/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025;

- Tham mưu cho UBND huyện cấp kinh phí cho các đơn vị mua sắm các phần mềm phục vụ công tác chuyển đổi số.

- Tham mưu các văn bản tập huấn các phần mềm, nền tảng phục vụ chuyển đổi số của ngành giáo dục.

b) Tồn tại, hạn chế:

Việc thực hiện mục tiêu chuyển đổi số của một số CSGD được kiểm tra còn chậm và chưa đạt hiệu quả cao. Một số đơn vị chưa xây dựng kế hoạch chuyển đổi số chi tiết, dẫn đến việc thực hiện chuyển đổi số còn thiếu sự đồng bộ và hiệu quả.

2. Việc tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết 09, Kế hoạch 59, Kế hoạch 276 thông qua Hội nghị Hiệu trưởng.

- Tổ chức Hội nghị tập huấn về thực hiện các phần mềm phục vụ công tác chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt, triển khai học bạ số cấp tiểu học, hệ thống quản lý dạy học trực tuyến LMS, phần mềm đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số, phần mềm quản lý hồ sơ sổ sách điện tử, phần mềm thiết kế bài giảng điện tử, phần mềm liên thông Thư viện trực tuyến...; Đồng thời, viết nhiều tin bài tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số trên trang fanpage của ngành.

b) Tồn tại, hạn chế

- Một số lãnh đạo CSGD chưa sâu sát và quyết tâm trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, việc thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số còn chậm và chưa đạt hiệu quả.

- Việc kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyển đổi số còn chưa thường xuyên và kịp thời, khiến việc phát hiện các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chậm trễ, dẫn đến hạn chế trong việc đưa ra các giải pháp khắc phục.

- Việc đánh giá hiệu quả hoạt động chuyển đổi số tại các đơn vị còn thiếu các biện pháp cụ thể và hệ thống, gây khó khăn trong việc xác định được mức độ hoàn thành và hiệu quả thực tế của các hoạt động chuyển đổi số.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác phát triển hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

- 100% các CSGD có kết nối internet tốc độ cao, đảm bảo yêu cầu về kết nối mạng phục vụ cho các giao dịch điện tử, trao đổi thông tin và khai thác internet trong các hoạt động giảng dạy và quản lý. Một số trường đã xây dựng phòng studio phục vụ việc tạo lập học liệu số và dạy học trực tuyến, bao gồm các thiết bị như máy tính, thiết bị phụ trợ, và phần mềm cần thiết.

- 100% các CSGD triển khai hệ thống phần mềm quản lý học sinh (hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất, thông tin y tế, sức khỏe học sinh, và thông tin tài chính của nhà trường. Tất cả các CSGD đều sử dụng nền tảng quản lý trường học trực tuyến, đảm bảo kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục của Bộ GDĐT. Hệ thống quản lý được tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu ngành GDĐT, đảm bảo việc cập nhật và khai thác thông tin theo thời gian thực.

- 100% trường có cấp tiểu học đã tham gia thí điểm học bạ số, với 100% học sinh được cập nhật thông tin đầy đủ trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Học bạ số được phát hành và có thể tra cứu thông qua cổng học bạ số của Sở GDĐT, đảm bảo bảo mật theo tiêu chuẩn cấp độ 3 về an toàn thông tin.

- 100% các CSGD được tập huấn về thư viện số và quản lý học liệu số, bao gồm sách giáo khoa điện tử và các tài nguyên phục vụ giảng dạy. Các nhà trường đã xây dựng kho học liệu số của đơn vị phục vụ giảng dạy.

- 100% các trường đã được trang bị các nền tảng, phần mềm phục vụ công tác dạy học và quản lý.

b) Tồn tại, hạn chế: Hạ tầng CNTT ở một số CSGD chưa đồng bộ và đã xuống cấp, nhất là phòng Tin học, công tác đầu tư cho an toàn thông tin còn hạn chế, chưa có sự quan tâm đúng mức của nhiều CSGD trong việc đảm bảo bảo mật dữ liệu và an toàn trên môi trường số. Thiếu nhân sự chuyên trách có kỹ năng về CNTT và chuyển đổi số trong các CSGD, khiến việc khai thác và sử dụng hệ thống gặp nhiều khó khăn.

2. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được

- Các nhà trường đã tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, sử dụng chữ ký số cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên. Tập huấn xử lý hồ sơ công việc trên phần mềm chính quyền điện tử cho 100% cán bộ quản lý các nhà trường.

- Các đơn vị đã đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

- Phối hợp với các đơn vị cung cấp phần mềm tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm thiết kế bài giảng điện tử; phần mềm quản lý hồ sơ sổ sách điện tử; phần mềm đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số; phần mềm liên thông Thư viện trực tuyến; hệ thống quản lý dạy và học trực tuyến LMS cho cán bộ, giáo viên phụ trách công tác chuyển đổi số của các nhà trường.

- Đã tổ chức tập huấn sử dụng chữ ký số cho 100% cán bộ, giáo viên toàn ngành để thực hiện ký hồ sơ sổ sách điện tử và học bạ số.

- Toàn ngành có 73 cán bộ, giáo viên tham gia khóa học sử dụng công nghệ AI trong dạy học do Học viện tư vấn chuyển đổi số Việt Nam tổ chức.

- Ngoài ra các nhà trường đã tích cực triển khai tập huấn cho giáo viên về công tác chuyển đổi số trong dạy học.

b) Tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai thực hiện các nội dung được tập huấn đối với các CSGD còn hạn chế, chưa có kết quả rõ rệt, một số CSGD chưa quyết liệt trong triển khai và đánh giá các kết quả tồn tại, hạn chế.

3. Phát triển dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

- Các cơ sở giáo dục đã thực hiện quản lý cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành của các cấp học mầm non, tiểu học, THCS được cập nhật thường xuyên, đảm bảo dữ liệu sống phục vụ công tác quản lý.

- 100% các trường có cấp tiểu học và THCS trên địa bàn huyện đảm bảo các điều kiện triển khai sổ điểm, học bạ điện tử. 100% học sinh và giáo viên được cập nhật thông tin trên hệ thống quản lý của ngành.

- Dữ liệu cán bộ, giáo viên được cập nhật đồng bộ với dữ liệu quốc gia về dân cư:

+ Cấp mầm non: Số giáo viên được xác thực định danh cá nhân $369/370 = 99,73\%$, số chưa xác thực $1/370 = 0,27\%$; Số học sinh hoàn thành thông tin cá nhân $2603/2612 = 99,69\%$; số chưa hoàn thành thông tin cá nhân $8/2612 = 0,31\%$; số học sinh được xác thực định danh cá nhân $2583/2612 = 98,89\%$, số chưa xác thực $29/2612 = 1,11\%$.

+ Cấp Tiểu học: Số giáo viên được xác thực định danh cá nhân $286/286 = 100\%$, số chưa xác thực $0 = 0\%$; Số học sinh hoàn thành thông tin cá nhân $3855/3855 = 100\%$; số chưa hoàn thành thông tin cá nhân $0 = 0\%$; số học sinh được xác thực định danh cá nhân $3843/3855 = 99,69\%$, số chưa xác thực $12/3855 = 0,31\%$.

+ Cấp THCS: Số giáo viên được xác thực định danh cá nhân $176/205 = 85,85\%$, số chưa xác thực $29/205 = 14,15\%$; Số học sinh hoàn thành thông tin cá nhân $3182/3187 = 99,84\%$; số chưa hoàn thành thông tin cá nhân $5/3187 = 0,16\%$; số học sinh được xác thực định danh cá nhân $2682/3187 = 84,15\%$, số chưa xác thực $505/3187 = 15,85\%$.

b) Tồn tại, hạn chế

- Cấp học mầm non có tỉ lệ hoàn thành xác minh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thấp do cấp học này số trẻ đến lớp trong năm học có nhiều biến động, thời gian học tại trường không ổn định, nhiều trẻ học thời gian ngắn lại thay đổi nơi học, thường xuyên thay đổi chuyển trường vì vậy thông tin của trẻ chưa được cập nhật kịp thời.

- Việc cập nhật dữ liệu lên các phần mềm của một số đơn vị chưa thường xuyên, việc khai thác dữ liệu phục vụ công tác báo cáo, xây dựng kế hoạch còn hạn chế.

4. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được

- Toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục được liên thông với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia và được bảo vệ theo quy định cấp độ 3 về an toàn hệ thống thông tin.

- 100% lãnh đạo CSGD được cấp chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin trong việc quản lý trực tuyến.

- Hệ thống thông tin của Phòng Giáo dục và Đào tạo được công nhận đạt cấp độ an toàn thông tin cấp độ 1 tại Quyết định số 310/QĐ-STTTT, ngày 13/12/2024 của Sở Thông tin Truyền thông.

b) Tồn tại, hạn chế

- Nhận thức của nhiều cán bộ, giáo viên và phụ trách CNTT về việc áp dụng các biện pháp an toàn thông tin còn chưa đầy đủ, khó khăn trong việc lựa chọn, sử dụng các nền tảng học trực tuyến đảm bảo độ bảo mật cao.

- Hạ tầng CNTT phục vụ an toàn thông tin tại nhiều CSGD còn thiếu hoặc không đồng bộ.

- Đội ngũ nhân sự có chuyên môn về an toàn thông tin và CNTT còn thiếu hụt, giáo viên tin học được đào tạo chính quy chưa đáp ứng được nhu cầu.

5. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

- Phòng GDĐT đã nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ phát triển Chính quyền số trong giáo dục, cụ thể: Triển khai dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực giáo dục; triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại địa chỉ (congchuc.quangninh.gov.vn) tới tất cả các CSGD trong toàn huyện; thực hiện sử dụng văn bản điện tử, ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy.

- Cổng thông tin của Phòng GDĐT được cập nhật thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ trao đổi thông tin và triển khai các văn bản của ngành, một số trường có cổng thông tin riêng để đăng tải thông tin, tuyên truyền, quảng bá các hoạt động của nhà trường và thực hiện các quy định về công khai.

- 100% các cơ sở giáo dục đã thực hiện thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt.

- 100% cán bộ quản lý của Phòng GDĐT và các CSGD trên địa bàn huyện thực hiện ký số và xử lý văn bản qua phần mềm Quản lý văn bản của tỉnh.

- 100% các CSGD có trang thông tin truyền thông trên mạng xã hội (facebook, zalo) đảm bảo quy định, đăng tải các thông tin hoạt động của đơn vị, tấm gương người tốt, việc tốt; hoạt động giảng dạy; nhiều đơn vị có trang thông tin điện tử riêng, hoạt động tích cực và hiệu quả, là cầu nối giữa nhà trường với học sinh, phụ huynh học sinh và xã hội, mang lại hiệu quả rõ rệt.

b) Tồn tại, hạn chế

- Việc viết tin, bài truyền thông về giáo dục và chuyển đổi số trong ngành còn ít, nội dung chưa phong phú, đa dạng.

- Nhiều trường nằm ở vùng sâu, vùng xa và điều kiện kinh tế khó khăn nên việc triển khai công tác chuyển đổi số còn chậm.

- Một số trường chưa quan tâm thực hiện ký số trên hệ thống chính quyền điện tử.

6. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được

- 100% CSGD chấp nhận thanh toán các khoản thu dịch vụ bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- 100% CSGD thực hiện chương trình giáo dục triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử (đối với cấp tiểu học) thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy.

- 16/16 trường có cấp tiểu học và THCS thực hiện phương thức tuyển sinh đầu cấp trực tuyến lớp 1, lớp 6 năm học 2024-2025; toàn bộ học sinh tham gia tuyển sinh sử dụng thông tin hồ sơ từ cơ sở dữ liệu ngành của năm học 2023-2024 không thực hiện tuyển sinh với hồ sơ giấy.

- 100% cán bộ, giáo viên của các cơ sở giáo dục có chữ ký số.

b) Tồn tại, hạn chế: Việc thanh toán không dùng tiền mặt ở các xã vùng sâu vùng xa, việc tiếp cận các dịch vụ này còn gặp nhiều khó khăn. Các đơn vị, CSGD còn chậm triển khai đăng ký chữ ký số cá nhân.

7. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

7.1. Ngày Chuyển đổi số

- Tổ chức các hoạt động truyền thông về Ngày Chuyển đổi số quốc gia từ ngày 01/10/2024 đến hết 12/10/2024: Tăng cường tuyên truyền trên phương tiện truyền thông của CSGD: website, fanpage, ..., Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên hưởng ứng trên không gian mạng bằng cách thay ảnh đại diện có kèm khung hình nhận diện (avatar frame) của Ngày Chuyển đổi số quốc gia từ ngày 01/10/2024 đến ngày 10/10/2024.

9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Phòng GDĐT đã đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số thông qua Cổng thông tin điện tử của phòng với nhiều tin bài tuyên truyền được đăng tải. Các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục đã được giới thiệu rộng rãi.

- 100% các CSGD đều sử dụng mạng xã hội như Facebook, Zalo để truyền tải thông tin về các hoạt động chuyển đổi số, giúp kết nối với học sinh, phụ huynh và cộng đồng một cách hiệu quả.

b) Tồn tại, hạn chế

- Các bài viết và nội dung truyền thông về chuyển đổi số còn ít, chưa phong phú và đa dạng, chưa thực sự thu hút được sự quan tâm và tham gia tích cực của nhiều đối tượng.

8. Công tác chuyển đổi số trong dạy học

- 100% các trường Tiểu học, THCS đã trang bị phần mềm thiết kế bài giảng điện tử, hệ thống LMS của công ty OLM để phục vụ công tác dạy học và kiểm tra đánh giá; 100% các trường tiểu học, THCS có kế hoạch dạy học trực tuyến, xây dựng kho học liệu số phục vụ công tác dạy và học.

- Chỉ đạo các CSGD tập trung vào thực hiện tốt công tác chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá: lựa chọn, duy trì nền tảng LMS phù hợp và khai thác tối đa các lợi ích trong dạy học trực tuyến; kết hợp dạy trực tiếp và trực tuyến, thúc đẩy sự tham gia chủ động của học sinh; triển khai xây dựng học liệu số, ngân hàng câu hỏi theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông 2018; bước

đầu áp dụng kiểm tra, đánh giá trực tuyến và định kỳ bằng máy tính để cải thiện hiệu quả dạy học.

III. CÔNG TÁC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo kịp thời, đúng thời gian quy định của cấp trên.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Một số hồ sơ, thủ tục vẫn yêu cầu thực hiện song song giữa số hóa và văn bản giấy.

- Một số nhà trường và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên chưa thực sự quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Điều kiện kinh tế xã hội tại một số đơn vị còn khó khăn nên trang thiết bị phục vụ dạy, học trực tuyến tỉ lệ còn thấp.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM HỌC KỲ II.

1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ người học và người học về thanh toán không dùng tiền mặt đối với tất cả các hoạt động có thanh toán, chi trả tiền. Đưa các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số vào nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch, nhiệm vụ của từng đơn vị.

2. Thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá.

- Thực hiện hiệu quả hướng dẫn tại Thông tư số 09¹, trong đó lưu ý phát huy tối đa lợi ích của hệ thống LMS của OLM trong kết nối giữa nhà trường, giáo viên với học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục; có giải pháp tích hợp, kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở cơ sở giáo dục.

- Khai thác hiệu quả phần mềm bài giảng điện tử Avina cho hoạt động dạy và học của các cơ sở giáo dục. Thường xuyên cập nhật học liệu số của chương trình GDPT 2018 vào hệ thống.

- Thực hiện xây dựng dựng học liệu số của các khối lớp 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9; sử dụng hiệu quả kho học liệu dùng chung phục vụ nhằm tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá đạt hiệu quả.

- Triển khai các mô hình dạy và học tiên tiến trên nền tảng số, triển khai mô hình dạy học trực tuyến kết hợp với trực tiếp (Blended Learning, Hybrid

¹ Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

Learning) và lớp học đảo ngược (Flipped Classroom), hình thành phương pháp dạy và học hiện đại phù hợp với xu hướng mới, học sinh tham gia chủ động và chịu trách nhiệm với quá trình hình thành, củng cố và mở rộng kiến thức từ hoạt động tự học trực tuyến (elearning).

- Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; khuyến khích các cơ sở có đủ điều kiện đăng ký thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính (cần có kế hoạch và xác định các bước thực hiện từ triển khai thí điểm đến triển khai nhân rộng một cách phù hợp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả).

- Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến.

- Tiếp tục rà soát và đề xuất đầu tư mua sắm bổ sung máy tính dạy môn tin học tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản phục vụ dạy môn Tin học. Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học. Xây dựng mô hình phòng studio một cách linh hoạt phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến.

- Triển khai hiệu quả phần mềm liên thông thư viện điện tử, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên trong toàn ngành.

- Tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong các nhà trường. Giảng dạy tin học, rèn luyện kỹ năng số cho học sinh phổ thông để hình thành thói quen số, năng lực số, văn hóa số.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

- Tiếp tục triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn>; khai thác dữ liệu phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

- Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, tiếp tục triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, thực hiện ký số trên hồ sơ của đơn vị (sổ điểm, học bạ điện tử,...).

4. Tiếp tục triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số, thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong giáo dục

- Tổ chức tập huấn và triển khai phần mềm Quản lý văn bản tại địa chỉ <http://congchuc.quangninh.gov.vn> tới tất cả các cơ sở giáo dục trong toàn huyện; thực hiện liên thông văn bản điện tử thông suốt trong toàn ngành và các cơ quan

quản lý nhà nước trong huyện; thực hiện sử dụng văn bản điện tử, ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy.

- Phối hợp cấp chữ ký số cho cán bộ quản lý, giáo viên có nhu cầu và thực hiện xác thực trên môi trường điện tử cho cán bộ, giáo viên toàn ngành.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến, thực hiện ký số cá nhân lãnh đạo, không sử dụng văn bản giấy trả kết quả thủ tục hành chính.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục.

5. Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của các đơn vị trường học; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Sở GDĐT ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện hệ thống hồ sơ điện tử thống nhất trong toàn ngành.

Trên đây là báo cáo sơ kết nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số học kỳ 1, năm học 2024-2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Đầm Hà./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- Lưu: VT, Công TTĐT./.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Giản Mạnh Tráng